

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: Y HỌC CƠ SỞ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2203360040	Nguyễn Trần Ngọc Ánh	28/12/2001	02DD14D1	6.4	Đạt
2	2213240180	Nguyễn Ngọc Châu	11/12/1980	02DD14B1	7.2	Đạt
3	2213360332	Cao Thị Dung	05/09/1996	02DD14D1	7.5	Đạt
4	2213360085	Bùi Xuân Dương	26/08/2003	02DD14D1	5.7	Đạt
5	2213240045	Hoàng Thị Ngọc Hoa	30/10/1992	02DD14B1	1.9	Học lại
6	2213360059	Phạm Thị Huệ	24/04/2003	02DD14D1	8.0	Đạt
7	2213240184	Nguyễn Quốc Hưng	30/01/2002	02DD14B1	7.1	Đạt
8	2213240082	Nguyễn Xuân Huy	01/12/1993	02DD14B1	7.5	Đạt
9	2213240156	Huỳnh Hồng Linh	29/09/1998	02DD14B1	6.3	Đạt
10	2213360348	Thông Thanh Nhạc	17/08/1987	02DD14D1	1.3	Học lại
11	2213240204	Văn Thị Cẩm Nhung	10/03/1993	02DD14D1	6.2	Đạt
12	2213180020	Châu Thị Kim Oanh	27/10/1988	02DD14B1	1.8	Học lại
13	2213240110	Trần Thị Diễm Quỳnh	03/10/2002	02DD14B1	7.5	Đạt
14	2213240178	Đồng Đức Tiến	10/09/1997	02DD14B1	7.6	Đạt
15	2213240132	Võ Minh Tú	08/06/1992	02DD14B1	8.6	Đạt
16	2213240003	Nguyễn Tú Uyên	28/09/1980	02DD14B1	7.1	Đạt
17	2213360055	Phạm Bá Vinh	26/07/1993	02DD14D1	4.2	Đạt
18	2213360324	Trần Thị Cẩm Xuyên	19/07/1996	02DD14D1	6.1	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ 1

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2203360040	Nguyễn Trần Ngọc Ánh	28/12/2001	02DD14D1	6.8	Đạt
2	2213240180	Nguyễn Ngọc Châu	11/12/1980	02DD14B1	6.3	Đạt
3	2213360332	Cao Thị Dung	05/09/1996	02DD14D1	7.1	Đạt
4	2213360085	Bùi Xuân Dương	26/08/2003	02DD14D1	2.8	Thi lại
5	2213240045	Hoàng Thị Ngọc Hoa	30/10/1992	02DD14B1	7.2	Đạt
6	2213360059	Phạm Thị Huệ	24/04/2003	02DD14D1	6.7	Đạt
7	2213240184	Nguyễn Quốc Hưng	30/01/2002	02DD14B1	7.0	Đạt
8	2213240082	Nguyễn Xuân Huy	01/12/1993	02DD14B1	8.0	Đạt
9	2213240156	Huỳnh Hồng Linh	29/09/1998	02DD14B1	6.5	Đạt
10	2213360348	Thông Thanh Nhạc	17/08/1987	02DD14D1	0.0	Học lại
11	2213240204	Văn Thị Cẩm Nhung	10/03/1993	02DD14D1	6.6	Đạt
12	2213180020	Châu Thị Kim Oanh	27/10/1988	02DD14B1	6.3	Đạt
13	2213240110	Trần Thị Diễm Quỳnh	03/10/2002	02DD14B1	7.9	Đạt
14	2213240178	Đồng Đức Tiến	10/09/1997	02DD14B1	7.5	Đạt
15	2213240132	Võ Minh Tú	08/06/1992	02DD14B1	8.6	Đạt
16	2213240003	Nguyễn Tú Uyên	28/09/1980	02DD14B1	7.3	Đạt
17	2213360055	Phạm Bá Vinh	26/07/1993	02DD14D1	5.6	Đạt
18	2213360324	Trần Thị Cẩm Xuyên	19/07/1996	02DD14D1	5.6	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NỘI KHOA

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2203360040	Nguyễn Trần Ngọc Ánh	28/12/2001	02DD14D1	4.1	Đạt
2	2213240180	Nguyễn Ngọc Châu	11/12/1980	02DD14B1	5.0	Đạt
3	2213360332	Cao Thị Dung	05/09/1996	02DD14D1	5.4	Đạt
4	2213360085	Bùi Xuân Dương	26/08/2003	02DD14D1	5.7	Đạt
5	2213240045	Hoàng Thị Ngọc Hoa	30/10/1992	02DD14B1	6.9	Đạt
6	2213360059	Phạm Thị Huệ	24/04/2003	02DD14D1	5.5	Đạt
7	2213240184	Nguyễn Quốc Hưng	30/01/2002	02DD14B1	4.6	Đạt
8	2213240082	Nguyễn Xuân Huy	01/12/1993	02DD14B1	4.4	Đạt
9	2213240156	Huỳnh Hồng Linh	29/09/1998	02DD14B1	5.0	Đạt
10	2213360348	Thông Thanh Nhạc	17/08/1987	02DD14D1	0.4	Học lại
11	2213240204	Văn Thị Cẩm Nhung	10/03/1993	02DD14D1	5.3	Đạt
12	2213180020	Châu Thị Kim Oanh	27/10/1988	02DD14B1	5.6	Đạt
13	2213240110	Trần Thị Diễm Quỳnh	03/10/2002	02DD14B1	6.3	Đạt
14	2213240178	Đồng Đức Tiến	10/09/1997	02DD14B1	6.4	Đạt
15	2213240132	Võ Minh Tú	08/06/1992	02DD14B1	7.0	Đạt
16	2213240003	Nguyễn Tú Uyên	28/09/1980	02DD14B1	6.2	Đạt
17	2213360055	Phạm Bá Vinh	26/07/1993	02DD14D1	2.0	Thi lại
18	2213360324	Trần Thị Cẩm Xuyên	19/07/1996	02DD14D1	5.7	Đạt
19	2193360129	Võ Trần Giáng My	02/02/2004	02DD12C1	5.5	Đạt
20	2203240216	Lê Thị Thanh Giang	27/07/2001	02DD13B1	4.6	Đạt
21	2203360374	Trần Văn Vinh	29/04/1998	02DD13D1	2.3	Thi lại

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2

MÔN: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NGOẠI KHOA

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2203360040	Nguyễn Trần Ngọc Ánh	28/12/2001	02DD14D1	7.2	Đạt
2	2213240180	Nguyễn Ngọc Châu	11/12/1980	02DD14B1	5.9	Đạt
3	2213360332	Cao Thị Dung	05/09/1996	02DD14D1	7.3	Đạt
4	2213360085	Bùi Xuân Dương	26/08/2003	02DD14D1	6.7	Đạt
5	2213240045	Hoàng Thị Ngọc Hoa	30/10/1992	02DD14B1	7.5	Đạt
6	2213360059	Phạm Thị Huệ	24/04/2003	02DD14D1	8.0	Đạt
7	2213240184	Nguyễn Quốc Hưng	30/01/2002	02DD14B1	8.8	Đạt
8	2213240082	Nguyễn Xuân Huy	01/12/1993	02DD14B1	8.6	Đạt
9	2213240156	Huỳnh Hồng Linh	29/09/1998	02DD14B1	0.0	Học lại
10	2213360348	Thông Thanh Nhạc	17/08/1987	02DD14D1	0.4	Học lại
11	2213240204	Văn Thị Cẩm Nhung	10/03/1993	02DD14D1	8.0	Đạt
12	2213180020	Châu Thị Kim Oanh	27/10/1988	02DD14B1	8.0	Đạt
13	2213240110	Trần Thị Diễm Quỳnh	03/10/2002	02DD14B1	8.6	Đạt
14	2213240178	Đồng Đức Tiến	10/09/1997	02DD14B1	7.6	Đạt
15	2213240132	Võ Minh Tú	08/06/1992	02DD14B1	8.8	Đạt
16	2213240003	Nguyễn Tú Uyên	28/09/1980	02DD14B1	6.3	Đạt
17	2213360055	Phạm Bá Vinh	26/07/1993	02DD14D1	6.7	Đạt
18	2213360324	Trần Thị Cẩm Xuyên	19/07/1996	02DD14D1	6.1	Đạt